

BẢN TIN HÀNG NGÀY

23 Tháng 12 2025

VIC VHM STB tăng trần

- Vn-Index duy trì mức tăng khoảng hơn 20 điểm trong suốt ngày giao dịch, và đóng cửa tăng 21.1 điểm
- Cả 4 cổ phiếu họ VinGroup đều tăng tốt, trong đó VIC VHM tăng trần. 4 mã này đóng góp 30.4 điểm vào mức tăng của Vn-Index
- STB cũng tăng trần, ngoài ra còn có 1 số ít mã khác tăng tốt như MWG GEE HDB BMP PVS
- Ngoài các mã vừa kể trên, đa phần cổ phiếu là giảm điểm. Số mã giảm gấp hơn 2 lần số mã tăng
- Nhiều nhóm ngành giảm điểm như chứng khoán, thép, ngân hàng, bất động sản, và khu công nghiệp
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng 12.4% so với ngày trước đó

Đồ thị Vn-Index 3 tháng

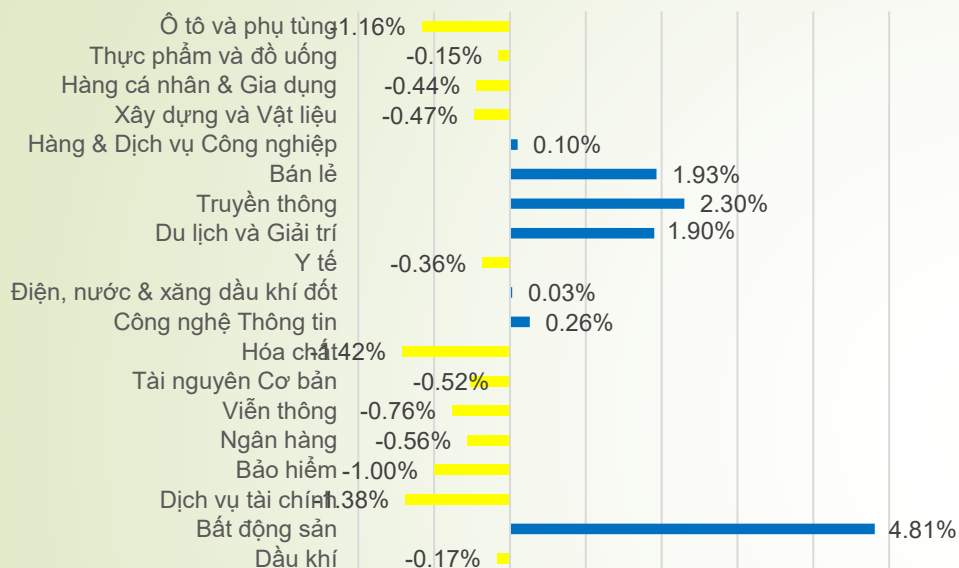


Tổng quan thị trường

	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,772.2	255.5	120.0
(+/-)	21.12	-1.79	0.11
(%)	1.21%	-0.68%	0.09%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	713	59	34
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	22,401	695	445
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	596	(4)	0
Số mã tăng	102	57	101
Số mã giảm	212	93	100
Số mã giá không đổi	61	57	98

Nhận định thị trường

Diễn biến nhóm ngành & Chỉ số định giá



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	20.94	1.39
2	Nguyên vật liệu	15.03	1.51
3	Công nghiệp	12.24	1.95
4	Hàng Tiêu dùng	15.59	2.02
5	Dược phẩm và Y tế	17.99	1.71
6	Dịch vụ Tiêu dùng	26.27	4.31
7	Viễn thông	20.67	5.27
8	Tiện ích Cộng đồng	13.48	1.71
9	Tài chính	25.75	2.76
10	Ngân hàng	10.02	1.62
11	Công nghệ Thông tin	17.63	3.60

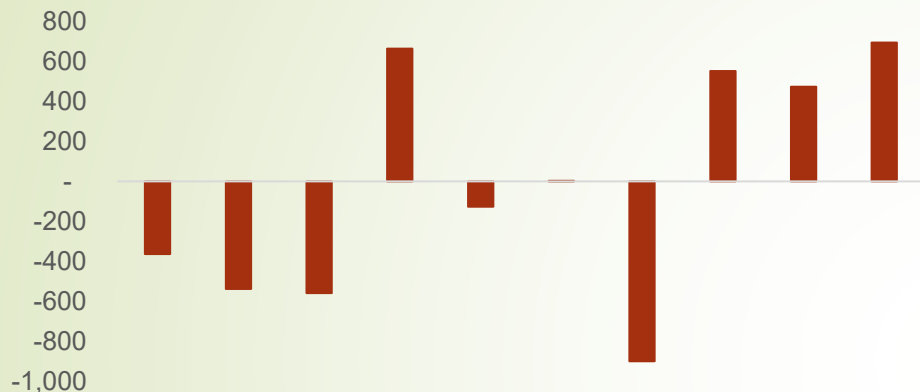
- Nếu loại trừ 4 mã nhà VinGroup, Vn-Index đã giảm khoảng 9 điểm trong ngày hôm nay
- Số lượng mã giảm gấp 2 lần số mã tăng, cho thấy rõ ràng thị trường thiên về chiều giảm điểm
- Vn-Index cũng đang chạm đỉnh lịch sử tại vùng 1,770 điểm, áp lực bán sẽ lớn và rủi ro là không nhỏ
- Đặc biệt vào dịp cuối năm, lãi suất đang tăng, và nguồn tiền cũng không còn dồi dào như trước; mua vào tại vùng giá hiện tại sẽ rủi ro hơn
- Nhà đầu tư vẫn nên chờ đợi mua vào khi Vn-Index điều chỉnh sau. Vùng mua có thể là khoảng 1,720 điểm

Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu cơ bản		Tiện ích		Hóa chất	
STB	6.87%	VIC	6.99%	TVS	3.23%	BAF	1.70%	BMP	3.86%	ACG	0.14%	PGD	1.73%	DCM	0.31%
HDB	1.85%	VHM	6.98%	VIX	1.70%	ASM	0.15%	PC1	0.68%	PTB	0.00%	POW	0.79%	DPR	-0.13%
TPB	0.29%	CRE	4.69%	ORS	0.37%	MSN	0.13%	HTI	0.00%	DHC	0.00%	PGV	0.52%	CSV	-0.88%
NAB	0.00%	VRE	3.79%	BCG	0.00%	HAG	0.00%	VGC	-0.24%	HPG	-0.56%	CHP	0.17%	AAA	-0.99%
VIB	0.00%	QCG	1.65%	VND	-0.25%	MCM	0.00%	CTR	-0.71%	NKG	-0.98%	GEG	0.00%	GVR	-1.32%
SHB	0.00%	KOS	1.19%	DSC	-0.65%	PAN	0.00%	VCG	-1.46%	HSG	-1.56%	GAS	0.00%	VFG	-1.52%
EIB	-0.22%	VPI	0.66%	EVF	-0.87%	VCF	-0.07%	CTD	-1.81%			SHP	0.00%	DPM	-1.55%
ACB	-0.41%	IJC	0.45%	CTS	-1.29%	SAB	-0.20%	HHV	-2.14%			TMP	0.00%	PHR	-2.24%
CTG	-0.43%	SZC	0.00%	HCM	-1.29%	FMC	-0.71%	CII	-2.48%			TDM	0.00%	DGC	-4.02%
MBB	-0.59%	SJS	-0.17%	FTS	-1.31%	DBC	-0.71%					VSH	0.00%		
OCB	-0.81%	SIP	-0.19%	BSI	-1.67%	KDC	-0.76%					NT2	-0.21%		
VPB	-1.03%	KDH	-0.45%	DSE	-1.86%	BHN	-0.93%					PPC	-0.30%		
VCB	-1.04%	DXG	-0.56%	SSI	-2.07%	VNM	-0.95%					REE	-0.81%		
BID	-1.04%	BCM	-1.13%	VDS	-2.55%	VHC	-1.27%					BWE	-0.91%		
TCB	-1.14%	HDG	-1.22%	VCI	-2.56%	ANV	-1.80%					HNA	-1.83%		
SSB	-1.41%	HDC	-1.42%	AGR	-2.69%	SBT	-1.82%								
MSB	-2.33%	KBC	-1.45%												
LPB	-5.00%	TCH	-1.57%												
		PDR	-1.71%												
		DIG	-2.17%												
		DXS	-2.23%												
		NLG	-2.30%												
		NVL	-2.54%												

Giao dịch khối ngoại

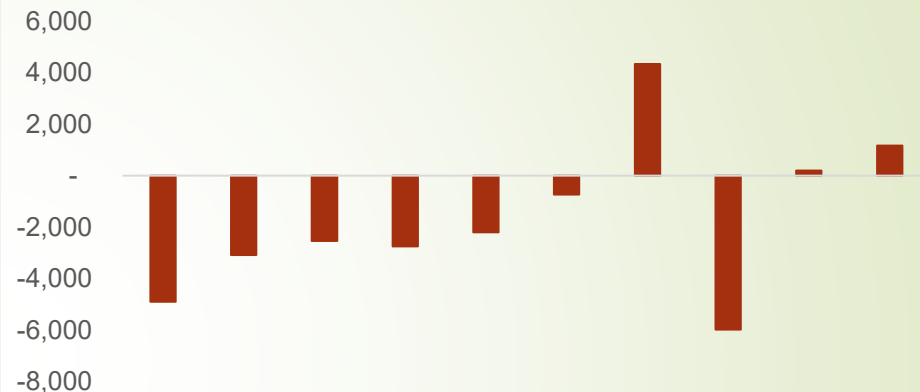
Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

No	Code	Exchange	Buy value	Sell value	Net value
1	MWG	HOSE	307.87	72.94	234.93
2	MBB	HOSE	136.61	33.34	103.26
3	VIX	HOSE	139.98	40.69	99.29
4	HPG	HOSE	119.06	39.56	79.50
5	VNM	HOSE	108.62	34.66	73.95
6	VJC	HOSE	99.69	28.30	71.39
7	GEX	HOSE	67.34	13.59	53.75
8	VND	HOSE	104.66	51.40	53.27
9	VHM	HOSE	194.05	141.12	52.93
10	VRE	HOSE	109.64	59.40	50.24
11	POW	HOSE	48.47	3.02	45.44
12	DXG	HOSE	50.15	8.22	41.94
13	GAS	HOSE	42.27	2.97	39.30
14	PVS	HNX	48.44	12.60	35.84
15	KDH	HOSE	39.98	4.44	35.55

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

No	Code	Exchange	Buy value	Sell value	Net value
1	HDB	HOSE	52.73	215.76	- 163.02
2	LPB	HOSE	33.44	112.38	- 78.95
3	FPT	HOSE	149.31	215.44	- 66.14
4	GMD	HOSE	77.64	126.28	- 48.64
5	SHB	HOSE	2.37	36.50	- 34.12
6	DGC	HOSE	53.72	85.02	- 31.30
7	ACV	UPCoM	0.38	21.72	- 21.34
8	HCM	HOSE	0.36	20.35	- 19.99
9	NLG	HOSE	0.98	20.84	- 19.87
10	VCB	HOSE	4.41	23.93	- 19.51
11	DGW	HOSE	0.57	19.17	- 18.60
12	CII	HOSE	6.44	23.91	- 17.46
13	CTG	HOSE	26.25	43.61	- 17.36
14	CTD	HOSE	0.17	17.34	- 17.17
15	ACB	HOSE	12.07	29.10	- 17.03

Cập nhật vĩ mô

	Hôm nay	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	62.02	2.56%	2.41%	-16.91%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	57.87	2.15%	2.12%	-19.31%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,489.40	2.93%	4.24%	69.99%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,146	-0.01%	0.02%	3.33%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,403	-0.01%	0.02%	3.33%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,870	-0.19%	-0.48%	3.95%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	5.67%	1.09%	-1.41%	1.63%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.07%	0.00%	0.00%	0.95%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.18%	0.00%	0.01%	1.01%

UOB dự báo tăng trưởng GDP quý IV đạt 7,2% do có nhiều thách thức

Theo UOB, mục tiêu tăng trưởng 8,3–8,5% năm 2025 thì khá thách thức, muốn đạt mức tăng trưởng này thì quý IV GDP phải đạt 9,7–10,5%. Do còn nhiều thách thức nên UOB dự báo quý IV GDP của Việt Nam chỉ tăng 7,2%, cả năm 2025 đạt 7,7%.

Lời cảnh báo của một thống đốc Fed

Thống đốc Fed Stephen Miran cảnh báo ngân hàng trung ương này có nguy cơ gây ra suy thoái kinh tế nếu không tiếp tục hạ lãi suất vào năm tới.

Lumen Vietnam Fund: Đầu tư công, thị trường vốn giữ vai trò then chốt với tăng trưởng

Theo quỹ ngoại, thúc đẩy đầu tư công với quy mô lớn đang tạo nền tảng cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo. Tuy nhiên, hiệu quả của động lực này phụ thuộc đáng kể vào khả năng phát triển thị trường vốn và giữ dòng vốn dài hạn trong nền kinh tế.

Bản tin doanh nghiệp



Vint

POW ước lãi trước thuế năm 2025 tăng hơn 80%

POW ước sản lượng điện năm 2025 đạt gần 18,9 tỷ kWh, tăng khoảng 17% so với năm 2024. Tổng doanh thu năm 2025 ước đạt hơn 35.000 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ và thiết lập mức cao nhất trong 6 năm gần đây. Lợi nhuận trước thuế ước đạt trên 2.500 tỷ đồng, tăng 80,7% so với năm trước và vượt kế hoạch đề ra.



Ông Đặng Thành Tâm chi nghìn tỷ thu tóm chủ tòa tháp 28 tầng nằm trên 'đất vàng' Láng Hạ

Kinh Bắc vừa nắm quyền kiểm soát tại CTCP Đầu tư Láng Hạ - chủ đầu tư dự án Trung tâm thương mại và văn phòng tại khu đất vàng 1A, 1C, 1D Láng Hạ, ước tính Kinh Bắc đã phải chi gần 2.000 tỷ đồng theo vốn điều lệ.



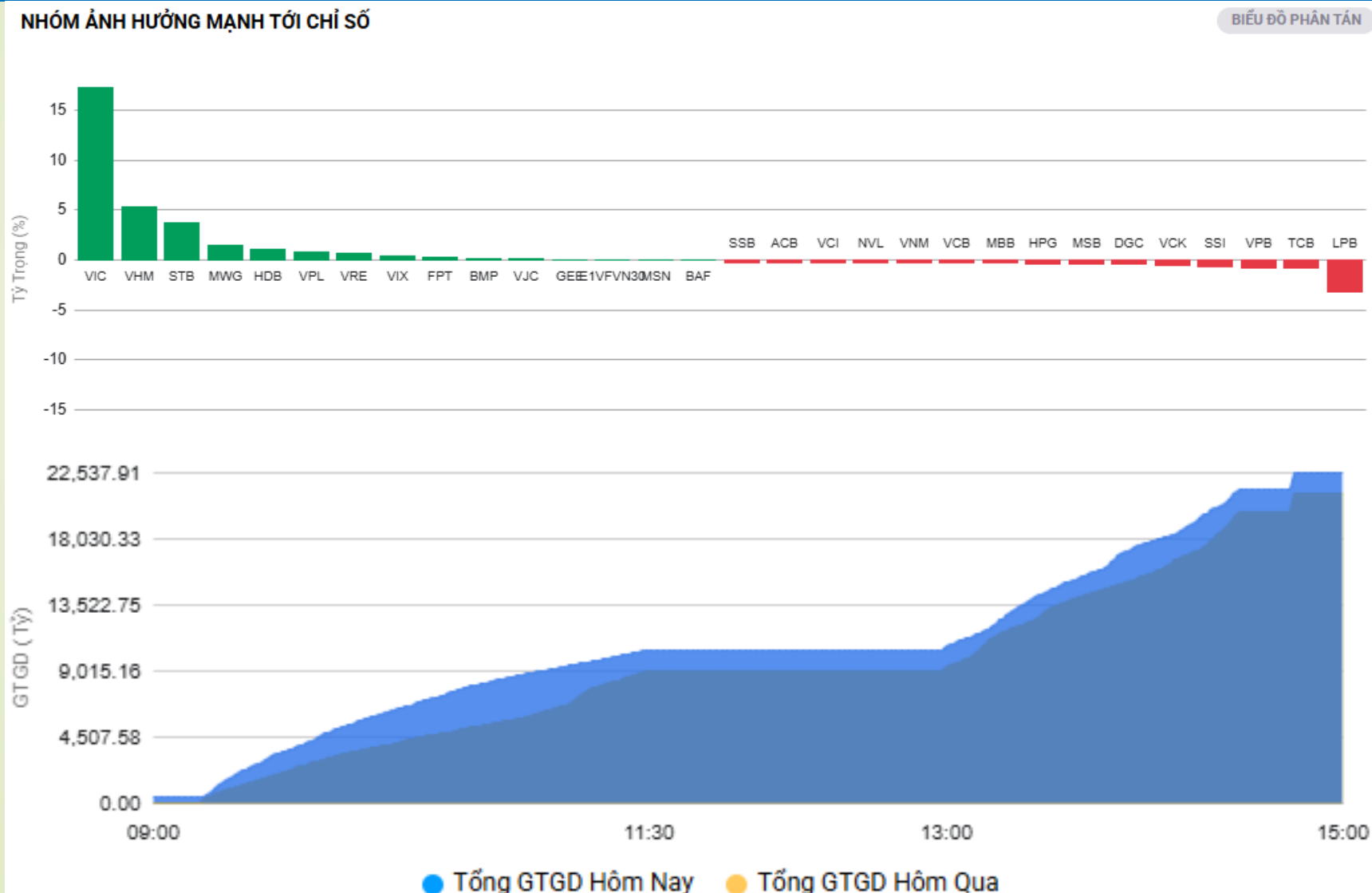
Đại hội bất thường LPBank chốt nói room ngoại lên 30%, miễn nhiệm ông Nguyễn Đức Thụy

LPB điều chỉnh tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài từ 5% lên 30%. Chia sẻ tại đại hội, ban lãnh đạo ngân hàng cho biết LPBank đang tích cực tìm kiếm NĐT nước ngoài có tiềm lực tài chính, kinh nghiệm quản trị rủi ro,...làm cổ đông chiến lược.

Lịch sự kiện

Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
A32	24/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
BAX	24/12/2025	29/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
CTD	24/12/2025	24/12/2025	Phát hành cổ phiếu	5.00%	
CCC	24/12/2025	22/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	2.00%	2000
CCC	24/12/2025	24/12/2025	Phát hành cổ phiếu	2.00%	200
DGC	24/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30.00%	3,000
HDM	24/12/2025	26/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
HUG	24/12/2025	20/03/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
PAT	24/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	100.00%	10,000
DNT	25/12/2025	09/01/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6.00%	600
TMP	25/12/2025	06/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
SBV	25/12/2025	25/12/2025	Phát hành cổ phiếu	5.00%	
HHV	25/12/2025	25/12/2025	Phát hành cổ phiếu	10:1	10,000
VWS	25/12/2025	08/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.00%	400
KHD	26/12/2025	21/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
TDB	26/12/2025	23/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
AVC	29/12/2025	30/03/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
QHD	29/12/2025	30/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	17.00%	1,700
VLB	29/12/2025	29/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30.00%	3,000
ADP	30/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8.00%	800
HPO	30/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500

Số liệu thị trường



Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá CP tại thời điểm báo cáo	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (23/12/2025)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/05/2024	20/08/2025	19,800	27,300	28,700	-4.9%	Link	Link
TPB	01/07/2024	12/09/2025	17,350	21,619	17,350	24.6%	Link	Link
TCB	12/08/2024	07/08/2025	21,250	32,200	34,800	-7.5%	Link	Link
MBB	29/08/2024	13/08/2025	24,850	28,500	25,100	13.5%	Link	Link
ACB	23/09/2024	01/08/2025	25,650	31,500	24,200	30.2%	Link	Link
HDB	15/10/2024	28/08/2025	27,150	27,220	27,500	-1.0%	Link	Link
CTG	28/11/2024	24/09/2025	35,150	35,020	35,000	0.1%	Link	Link
VCB	24/02/2025	02/10/2025	93,100	70,800	57,200	23.8%	Link	Link
BID	20/03/2025	10/10/2025	39,800	44,650	38,000	17.5%	Link	Link
HPG	13/01/2025	08/08/2025	25,900	30,710	26,750	14.8%	Link	Link
HSG	14/02/2025	07/08/2025	16,650	17,700	15,800	12.0%	Link	Link
NKG	07/03/2025	17/11/2025	16,100	17,580	15,150	16.0%	Link	Link
NLG	30/09/2024	13/11/2025	41,550	45,000	31,900	41.1%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	33,300	42,000	33,000	27.3%	Link	Link
DXG	15/11/2024	15/08/2025	16,150	20,800	17,900	16.2%	Link	Link
DXS	15/01/2025	15/08/2025	6,500	12,000	9,210	30.3%	Link	Link
KBC	22/01/2025	27/11/2025	28,950	40,500	34,100	18.8%	Link	Link
VRE	21/03/2025	28/08/2025	18,450	30,000	34,250	-12.4%	Link	Link
HAH	31/03/2025	12/08/2025	52,800	69,420	60,500	14.7%	Link	Link
VHM	29/04/2025	10/09/2025	58,400	87,200	114,900	-24.1%	Link	Link
STB	14/05/2025	18/09/2025	40,000	50,500	56,000	-9.8%	Link	Link
GMD	27/05/2025	24/11/2025	59,500	73,340	59,500	23.3%	Link	Link
HDC	05/06/2025		26,000	26,964	24,250	11.2%	Link	Link
VSC	18/06/2025	20/08/2025	16,550	25,140	20,800	20.9%	Link	Link
PDR	30/06/2025		18,050	18,704	20,150	-7.2%	Link	Link
PVT	17/07/2025	02/12/2025	18,100	21,870	18,450	18.5%	Link	Link
BCM	04/08/2025		71,000	83,000	61,200	35.6%	Link	Link
VCG	29/08/2025	16/12/2025	25,550	26,800	23,600	13.6%	Link	Link
CTD	24/09/2025		81,900	94,400	81,500	15.8%	Link	Link

**Trụ sở chính**

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, HN

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, HCM

Hotline: 0283.838.5917

Fax: 0283.620.0887

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.